TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **87**/2025/HNGĐ-ST
Ngày 30/9/2025
"V/v Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đặng Thị Hồng Thủy**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Lưu Văn Có**

Bà **Nguyễn Thị Lý**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Bùi Thị Minh Trang** – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Khánh Hòa.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Khánh Hòa tham gia phiên tòa:*** Ông **Nguyễn Giỏi Mạnh Phi** – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Khánh Hòa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 312/2025/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2025 về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Bùi Thị H**, sinh năm: 1976

Nơi cư trú: Thôn P, xã P, thành phố N (nay là thôn P, phường N), tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông **Phan Thanh Q**, sinh năm: 1976

Nơi cư trú: Thôn P, xã P, thành phố N (nay là thôn P, phường N), tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 14/3/2025 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Bùi Thị H trình bày:

Bà và ông Phan Thanh Q tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, thành phố N (nay là Ủy ban nhân dân phường N) và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 39/2011 ngày 22/3/2011. Thời gian đầu, vợ chồng bà chung sống hạnh phúc, tôn trọng và yêu thương lẫn nhau. Tuy nhiên qua một thời gian thì vợ chồng bà phát sinh mâu thuẫn do bất đồng Q điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn kéo dài đến mức không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu ly hôn với ông Q.

Về con chung: Bà và ông Phan Thanh Q có một con chung là Phan Bùi Gia B, sinh ngày: 14/9/2012. Ly hôn bà có nguyện vọng được nuôi cháu B và không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 28/7/2025, bị đơn ông Phan Thanh Q trình bày: Ông và bà H kết hôn và có một con chung là Phan Bùi Gia B. Ông không đồng ý ly hôn với bà H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Khánh Hòa phát biểu Q điểm về việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 57 và Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà Bùi Thị H được ly hôn ông Phan Thanh Q; Về con chung, đề nghị giao một con chung là Phan Bùi Gia B, sinh ngày: 14/9/2012 cho bà H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Bà H không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị không xem xét; Về tài sản chung, bà H xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét; Về nợ chung, bà H xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét; Về án phí, bà H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Bùi Thị H có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết về việc ly hôn với bị đơn ông Phan Thanh Q. Ông Q có địa chỉ cư trú tại phường Nam Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Khánh Hòa theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn bà Bùi Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Phan Thanh Q đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại các Điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Bùi Thị H và ông Phan Thanh Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã P, thành phố N (nay là Ủy ban nhân dân phường N) cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 39/2011, quyển số 01/2011, ngày 22/3/2011 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Qua lời trình bày của bà Bùi Thị H và ông Phan Thanh Q, Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình chung sống, vợ chồng bà H và ông Q có nhiều mâu thuẫn do bất đồng Q điểm sống, hôn nhân không hạnh phúc. Ông H không đồng ý ly hôn với bà H nhưng quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ ông Q đến Tòa làm việc nhưng ông Q vẫn vắng mặt không có lý do, chứng tỏ ông Q không có thiện chí đoàn tụ gia đình với bà H. Bà H xác định bà không còn tình cảm với ông Q nữa nên yêu cầu ly hôn với ông Q. Như vậy, giữa bà H và ông Q không tìm được tiếng nói chung, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị ly hôn của bà H là chính đáng, có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà Bùi Thị H và ông Phan Thanh Q có một con chung là Phan Bùi Gia B, sinh ngày: 14/9/2012. Bà H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Hội đồng xét xử nhận thấy hiện nay bà H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu B. Tại Bản tự khai ngày 03/4/2025, cháu B cũng trình bày nguyện vọng được ở với mẹ. Do đó, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho con chung phát triển toàn diện và được sống ổn định nên giao cháu B cho bà H tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

[4] Về cấp dưỡng: Bà Bùi Thị H không yêu cầu ông Phan Thanh Q cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Bà Bùi Thị H xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Bà Bùi Thị H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bà Bùi Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị H được ly hôn ông Phan Thanh Q.

2. Về con chung: Giao một con chung là Phan Bùi Gia B, sinh ngày: 14/9/2012 cho bà Bùi Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Ông Phan Thanh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Đồng thời, có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi dưỡng.

3. Về cấp dưỡng: Bà Bùi Thị H không yêu cầu ông Phan Thanh Q cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

Vì lợi ích của con chung, nếu xét thấy cần thiết bà H và ông Q đều có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết việc thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về tài sản chung: Bà Bùi Thị H xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Bà Bùi Thị H xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí: Bà Bùi Thị H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003994 ngày 25 tháng 3 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 1 – Khánh Hòa). Bà H đã nộp đủ án phí.

Quy định: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND Khu vực 1 – Khánh Hòa;
- Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa;
- UBND xã P, thành phố N (nay là UBND phường N) (Giấy chứng nhận kết hôn số 39/2011, quyển số 01/2011, ngày 22/3/2011);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Hồng Thủy